

Số: 143 /CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2026

V/v góp ý Dự thảo Quy trình thực hành chuẩn  
trong kiểm tra TXNG nguyên liệu thủy sản khai  
thác để CB, XK đi EU tại DN chế biến

**Kính gửi: Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường**

Phúc đáp Công văn số 2151/CCPT-ATTP ngày 08/9/2026 của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường về việc lấy ý kiến góp ý đối với Dự thảo Quy trình thực hành chuẩn về kiểm tra truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác (sau đây gọi tắt là Dự thảo), sau khi nghiên cứu Dự thảo và tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp hội viên, Hiệp hội VASEP thống nhất với mục tiêu tăng cường kiểm soát tính hợp pháp, minh bạch và khả năng truy xuất nguồn gốc nguyên liệu phục vụ xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (EU). Tuy nhiên, đề Quy trình khi ban hành đúng phạm vi, rõ tiêu chí kiểm tra, phù hợp thực tiễn sản xuất và không làm phát sinh yêu cầu ngoài mục tiêu kiểm soát IUU, VASEP xin đề nghị Quý Cục xem xét các nội dung sau:

**1. Làm rõ phạm vi và đối tượng áp dụng:** chỉ áp dụng đối với chuỗi nguyên liệu, sản phẩm có liên quan đến xuất khẩu sang EU.

Tên gọi, mục đích và nhiều nội dung của Dự thảo đều xác định đây là Quy trình kiểm tra truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác để chế biến, xuất khẩu đi EU. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 2 hiện quy định chung “*Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập khẩu, chế biến, xuất khẩu thủy sản khai thác*”; đồng thời một số nội dung tại biểu mẫu kiểm tra/thẩm tra yêu cầu theo dõi nguyên liệu và sản phẩm xuất khẩu đi “các thị trường”. Cách quy định này có thể dẫn đến việc mở rộng đối tượng kiểm tra sang doanh nghiệp, nguyên liệu hoặc lô hàng không liên quan đến xuất khẩu EU.

**VASEP xin đề nghị bổ sung, sửa đổi:**

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - bổ sung khoản 3:

**“Việc truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác để chế biến, xuất khẩu đi các thị trường khác ngoài EU không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy trình này.”**

- Điều 2. Đối tượng áp dụng - sửa khoản 3 thành:

**“Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập khẩu, chế biến, xuất khẩu thủy sản khai thác sang thị trường EU.”**

- Rà soát toàn bộ Quy trình và các biểu mẫu kèm theo để thay các nội dung theo dõi/đối chiếu chung đối với “các thị trường” bằng phạm vi tương ứng với nguyên liệu, sản phẩm và hồ sơ phục vụ xuất khẩu EU; không áp dụng Quy trình này cho phần hoạt động không liên quan đến EU.

**2. Điều 5 và Điều 6: cần quy định rõ tiêu chí quản lý rủi ro, tần suất kiểm tra định kỳ và căn cứ kiểm tra đột xuất.**

Khoản 4 Điều 5 quy định “*ưu tiên kiểm tra theo phương thức quản lý rủi ro, phân tích dữ liệu và dấu hiệu vi phạm*”, nhưng chưa xác định tiêu chí để phân loại rủi ro.

Khoản 1 Điều 6 quy định “*kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hằng năm*” nhưng chưa nêu tần suất.

Khoản 2 Điều 6 quy định *kiểm tra đột xuất* khi có dấu hiệu vi phạm, phản ánh/cảnh báo, chênh lệch bất thường hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

**VASEP xin đề nghị:**

- Quy trình cần quy định hoặc dẫn chiếu rõ bộ tiêu chí phân loại mức độ rủi ro, bảo đảm doanh nghiệp biết căn cứ áp dụng và việc lựa chọn đối tượng kiểm tra được thống nhất.
- Quy định rõ tần suất kiểm tra định kỳ tối đa trong một năm, đồng thời thực hiện nguyên tắc không chồng chéo giữa các đoàn kiểm tra có cùng nội dung.
- Đối với kiểm tra đột xuất do dấu hiệu vi phạm/chênh lệch bất thường, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thông tin rõ căn cứ, dữ liệu hoặc nội dung nghi vấn để doanh nghiệp có cơ hội giải trình, cung cấp hồ sơ trước hoặc tại thời điểm kiểm tra, trừ trường hợp pháp luật quy định phải bảo mật thông tin hoặc cần kiểm tra ngay để ngăn chặn vi phạm.

**3. Khoản 1 Điều 7: Rà soát hồ sơ nhập khẩu và tiêu chí “thống nhất của hồ sơ”**

Tại điểm a khoản 1 Điều 7, Dự thảo yêu cầu hồ sơ nhập khẩu có **Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (CC)** và **“hồ sơ quốc gia tàu cá, quốc gia cảng”**.

Tuy nhiên, thực tế nhập khẩu hiện nay có trường hợp CC chỉ được nước xuất khẩu hoàn thiện/cấp sau khi nguyên liệu đã nhập kho một thời gian. Do đó, tại thời điểm đoàn kiểm tra đến kiểm tra thì DN chưa nhận được C/C của nhà XK gửi.

Đồng thời khái niệm “hồ sơ quốc gia tàu cá, quốc gia cảng” chưa xác định cụ thể loại tài liệu nào doanh nghiệp phải lưu và xuất trình.

Tại điểm b khoản 1 Điều 7, yêu cầu kiểm tra **“tính đầy đủ, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ”** có thể gây vướng trong trường hợp khối lượng thực nhập có chênh lệch hợp lý so với Health Certificate (HC), CC hoặc chứng từ thương mại. Doanh nghiệp Việt Nam/ Nhà xuất khẩu không có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp lại HC/CC chỉ để khớp tuyệt đối với số liệu thực nhập sau bốc dỡ.

**VASEP xin đề nghị:**

- Quy định việc xuất trình CC chỉ yêu cầu đối với các lô hàng đã xuất khẩu sang EU hoặc được kiểm tra để xuất khẩu sang EU.
- Quy định việc xuất trình CC theo thời điểm pháp luật bắt buộc doanh nghiệp phải có; trường hợp tại thời điểm kiểm tra CC đang trong quá trình gửi đến Việt Nam thì cho phép doanh nghiệp cung cấp sau trong thời hạn phù hợp.
- Làm rõ cụ thể “hồ sơ quốc gia tàu cá, quốc gia cảng” gồm những tài liệu nào, nguồn cấp và trường hợp nào doanh nghiệp có trách nhiệm thu thập.
- Sửa cụm “tính đầy đủ, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ” theo hướng kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và khả năng giải trình/đối chiếu hợp lý giữa các chứng từ; không mặc nhiên coi mọi chênh lệch giữa số liệu thực nhập với HC, CC là không phù hợp nếu doanh nghiệp có hồ sơ, biên bản và căn cứ chứng minh.

**4. Khoản 2 Điều 7: bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải lưu/xuất trình nhật ký khai thác đối với nguyên liệu trong nước**

Điểm a khoản 2 Điều 7 liệt kê hồ sơ thu mua nguyên liệu gồm cả “**nhật ký khai thác**”. Tuy nhiên, nhật ký khai thác là hồ sơ phục vụ quản lý, thẩm tra của cảng cá/cơ quan thủy sản trong quá trình xác nhận nguồn gốc và chỉ cấp cho chủ tàu/ thuyền trưởng; doanh nghiệp chế biến không phải là chủ thể lập và không phải lúc nào cũng được cung cấp hồ sơ này.

**VASEP xin đề nghị:**

Bỏ “nhật ký khai thác” khỏi danh mục hồ sơ doanh nghiệp phải xuất trình; việc kiểm tra tại doanh nghiệp nên tập trung vào biên nhận bốc dỡ, SC/CC, hợp đồng/chứng từ mua bán và các chứng từ truy xuất mà doanh nghiệp có trách nhiệm lưu giữ theo quy định.

**5. Khoản 3 Điều 7: phân biệt chứng từ xác nhận khối lượng theo phương thức nhập khẩu và bỏ tiêu chí không liên quan trực tiếp đến IUU**

Điểm a khoản 3 Điều 7 đang quy định chung “phiếu cân” đối với kiểm tra tiếp nhận nguyên liệu. Thực tế phương thức xác nhận khối lượng khác nhau giữa nguyên liệu nhập theo PSMA và nguyên liệu nhập bằng container. Đối với container nguyên con đông lạnh, chưa bao gói, doanh nghiệp thường xác nhận khối lượng thực nhập giữa người mua và người bán; còn nguyên liệu đã bao gói không phải trường hợp nào cũng thuộc diện kiểm tra lại khối lượng thực nhập.

Điểm b khoản 3 Điều 7 còn yêu cầu kiểm tra “quy cách”. Theo doanh nghiệp, quy cách/kích cỡ nguyên liệu nguyên con không phải chỉ tiêu xác định nguồn gốc IUU và không gắn trực tiếp với khuyến nghị của EU về truy xuất nguồn gốc.

**VASEP xin đề nghị:**

- Sửa điểm a theo hướng: thay “**Phiếu cân**” bằng biên bản/chứng từ xác nhận khối lượng thực nhập vào nhà máy; quy định rõ trường hợp nguyên liệu đã bao gói được miễn/không thuộc diện kiểm tra lại khối lượng.
- Bỏ nội dung kiểm tra “quy cách/kích cỡ” tại điểm b đối với nguyên liệu nguyên con, trừ trường hợp quy cách là thông tin bắt buộc để nhận diện lô hàng hoặc có căn cứ cụ thể liên quan đến truy xuất nguồn gốc/IUU.

**6. Phương thức tách biệt và nhận diện nguyên liệu trong kho:** xem xét công nhận phương thức nhận diện số thay cho yêu cầu phân khu vật lý trong trường hợp doanh nghiệp có hệ thống quản lý dữ liệu bảo đảm khả năng truy xuất và chống trộn lẫn.

Tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Dự thảo, nội dung kiểm tra truy xuất nguồn gốc lô hàng xuất khẩu đi EU bao gồm “*kiểm tra việc tách biệt: (i) Nguyên liệu nhập khẩu; (ii) Nguyên liệu trong nước; (iii) Nguyên liệu theo từng thị trường xuất khẩu*”.

Đồng thời, tại Mục 7.a của Mẫu biểu Biên bản kiểm tra, quy định nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm tồn kho phải được “*phân khu riêng, nhận diện, phù hợp thực tế, kiểm soát tồn kho*”. Tại Mục 5.4 của Biên bản thẩm tra, doanh nghiệp còn phải cung cấp “*Sơ đồ bố trí các kho bảo quản*” và chứng minh việc “*sắp xếp, bố trí thực tế trong kho*” phù hợp với hồ sơ theo dõi.

VASEP cho rằng mục tiêu cốt lõi của các yêu cầu nêu trên nhằm bảo đảm tính toàn vẹn của chuỗi truy xuất nguồn gốc, xác định rõ nguồn gốc và trạng thái của từng lô nguyên liệu, ngăn ngừa việc trộn lẫn giữa các nguồn nguyên liệu và bảo đảm khả năng truy xuất ngược từ sản phẩm xuất khẩu đến nguyên liệu đầu vào, chứ không nhất thiết phải được thực hiện duy nhất bằng phương thức phân chia không gian vật lý trong kho.

Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản có hệ thống quản lý kho và quản lý sản xuất bằng phần mềm WMS/ERP, trong đó mỗi lô nguyên liệu được gắn mã nhận diện riêng và được quản lý xuyên suốt từ khi tiếp nhận, nhập kho, chuyển vị trí, xuất kho, đưa vào sản xuất, tạo bán thành phẩm/thành phẩm đến khi xuất khẩu. Các công nghệ nhận diện như mã vạch tuyến tính, mã QR, RFID kết hợp với hệ thống phần mềm quản lý kho và sản xuất có thể tạo ra lịch sử dữ liệu điện tử về từng lô hàng, vị trí, số lượng, thời điểm nhập – xuất – chuyển kho và các giao dịch liên quan, qua đó cho phép truy xuất và đối chiếu độc lập với hồ sơ sản xuất, hồ sơ xuất khẩu và dữ liệu tồn kho thực tế.

Đặc biệt, chính Dự thảo tại điểm b khoản 3 Điều 7 đã ghi nhận việc kiểm tra “*mã nhận diện lô hàng nhập khẩu*”, và tại khoản 5 Điều 7 yêu cầu kiểm tra hệ thống quản lý dữ liệu, hệ thống lưu trữ hồ sơ truy xuất nguồn gốc và “*tính đầy đủ, liên tục và khả năng đối chiếu dữ liệu*”. Vì vậy, VASEP cho rằng cần thống nhất các quy định này theo hướng không mặc định “tách biệt” đồng nghĩa với phải có khu vực vật lý riêng, mà cho phép doanh nghiệp chứng minh tính tách biệt bằng hệ thống nhận diện và quản lý dữ liệu điện tử có khả năng kiểm soát và truy xuất đến từng lô nguyên liệu.

#### **VASEP xin đề nghị:**

- Bổ sung vào điểm c khoản 4 Điều 7 quy định theo hướng: việc tách biệt nguyên liệu có thể được thực hiện bằng phân khu vật lý hoặc bằng phương thức nhận diện, quản lý số trên hệ thống điện tử, với điều kiện doanh nghiệp chứng minh được khả năng nhận diện riêng từng lô, kiểm soát việc nhập – xuất – chuyển vị trí – sử dụng – tồn kho và ngăn ngừa việc trộn lẫn giữa các nhóm nguyên liệu theo yêu cầu truy xuất nguồn gốc.
- Rà soát Mục 7.a và Mục 5.4 của Mẫu biểu Biên bản kiểm tra/thẩm tra theo hướng cụm từ “phân khu riêng, nhận diện” được sửa thành “**phân khu riêng hoặc nhận diện, quản lý riêng trên hệ thống quản lý kho/sản xuất phù hợp**”; đồng thời việc kiểm tra “sơ đồ bố trí các kho bảo quản” cần được áp dụng phù hợp với phương thức quản lý kho thực tế của doanh nghiệp.
- Bổ sung tiêu chí để cơ quan kiểm tra đánh giá tính hiệu lực của hệ thống nhận diện số, bao gồm tối thiểu: mã nhận diện duy nhất của từng lô; khả năng liên kết mã lô với hồ sơ nguồn gốc; theo dõi nhập – xuất – chuyển kho – sử dụng – tồn; lịch sử thao tác/dữ liệu; khả năng truy xuất và trích xuất dữ liệu khi kiểm tra; và khả năng đối chiếu giữa dữ liệu điện tử với hồ sơ, sản lượng thực tế và tồn kho.
- Đối với doanh nghiệp áp dụng hệ thống WMS/ERP hoặc hệ thống quản lý tương đương, có khả năng chứng minh đầy đủ các yêu cầu nêu trên, đề nghị công nhận dữ liệu nhận diện và quản lý lô hàng trên hệ thống điện tử là một phương thức kiểm soát hợp lệ để chứng minh tính tách biệt và chống trộn lẫn, thay vì bắt buộc doanh nghiệp phải đầu tư thêm các khu vực kho vật lý riêng trong mọi trường hợp.

Việc bổ sung quy định này sẽ giúp Quy trình vừa bảo đảm mục tiêu kiểm soát IUU, vừa tiếp cận theo nguyên tắc quản lý dựa trên rủi ro và bằng chứng dữ liệu, phù hợp với thực tế vận hành của các doanh nghiệp chế biến thủy sản quy mô lớn. Đồng thời, đây cũng là hướng tiếp cận phù hợp với xu thế số hóa quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc, giúp doanh nghiệp giảm áp lực về diện tích và hạ tầng kho lạnh, tối ưu hóa công suất kho, giảm chi phí logistics nhưng vẫn bảo đảm cơ quan quản lý có thể kiểm tra, đối chiếu và truy xuất đầy đủ dòng nguyên liệu từ đầu vào đến sản phẩm xuất khẩu

**7. Rà soát biểu mẫu kiểm tra và biên bản thẩm tra** kèm theo để thống nhất với phạm vi EU và tránh phát sinh nghĩa vụ ngoài Quy trình

Các biểu mẫu kèm theo hiện có một số nội dung theo dõi rất rộng, như yêu cầu theo chuỗi “Nhập – Sử dụng – Xuất khẩu – Tồn – Xử lý tồn” đối với sản phẩm xuất khẩu đi các thị trường; theo dõi cả nguyên liệu “có CC và không có CC”, “có SC và không có SC”; kiểm tra định mức, phụ phẩm, phế phẩm, thời hạn sử dụng... Nếu áp dụng cho toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp sẽ vượt ra ngoài phạm vi kiểm tra đối với nguyên liệu/sản phẩm phục vụ xuất khẩu EU được xác định tại tên gọi và Điều 1 của Quy trình.

Đề nghị Quý Cục rà soát lại toàn bộ biểu mẫu theo nguyên tắc: chỉ kiểm tra thông tin, hồ sơ và dòng nguyên liệu/sản phẩm cần thiết để chứng minh tính hợp pháp, khả năng truy xuất của lô hàng xuất khẩu EU; trường hợp một nội dung kiểm tra đã được điều chỉnh bởi quy định chuyên ngành khác thì chỉ dẫn chiếu, không tạo thêm nghĩa vụ hồ sơ hoặc tiêu chí đánh giá mới trong Quy trình này.

Hiệp hội VASEP xin đề nghị Quý Cục xem xét, tiếp thu các ý kiến nêu trên trong quá trình hoàn thiện Dự thảo Quy trình. Đồng thời, trân trọng đề nghị Quý Cục xem xét tổ chức một hội thảo hoặc cuộc họp tham vấn kỹ thuật với các đơn vị liên quan (Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Hải quan, Trung tâm CL, CB và PTTT vùng, Hiệp hội, các doanh nghiệp liên quan, Kho lạnh, ...) trước khi trình Bộ chính thức ban hành Quyết định Ban hành Quy trình thực hành chuẩn trong kiểm tra truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác để chế biến, xuất khẩu đi thị trường châu Âu tại doanh nghiệp chế biến.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ NNMT;
- Vụ Pháp chế (Bộ NNMT);
- Cục TSKN;
- Cục Hải quan;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI**  
**TỔNG THƯ KÝ**



**Nguyễn Hoài Nam**